



**DỰ ÁN CHICKEN MINDS  
BAN CHUYÊN MÔN SINH HỌC**

**KÌ THI THỬ TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN  
NĂM HỌC 2024 – 2025**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI  
Đề thi thử đợt 2**

Môn thi: **SINH HỌC**

Ngày làm bài thi: **28/4/2024**

Thời gian làm bài: **150 phút** (không kể thời gian phát đề)

Hướng dẫn chấm thi gồm 07 trang

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1. Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm thi của Dự án Chicken Minds – Tổ chức The Gifted Battlefield.
2. Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm thi.
3. Giám khảo không quy tròn điểm thành phần của từng câu, điểm của bài thi.

**II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
<b>Câu I.</b> (1,0 điểm)	<b>1</b>	<b>Gene gây bệnh NST giới tính nào?</b>	<b>0,375</b>	
		- Gene gây bệnh nằm trên vùng tương đồng của NST giới tính X và Y.	0,125	
		- Cả hai giới đều bị bệnh nên gene gây bệnh không thể chỉ nằm trên Y.	0,125	
			- Nếu gene chỉ nằm trên X thì (2) có kiểu gene XAY và (1) có kiểu gene XaXa nên sẽ sinh con trai không bị bệnh được (trái phá hệ).	0,125
	<b>2</b>	<b>Cặp vợ chồng (5) – (6) muốn sinh tiếp con gái không mắc bệnh thì có khả thi không?</b>	<b>0,125</b>	
		Có khả thi vì (5) có kiểu gene XaYA và (6) có kiểu gene XaXa nên có thể sinh một đứa con gái có kiểu gene XaXa và không bị bệnh.	0,125	
	<b>3</b>	<b>Đưa ra một nguyên nhân giải thích vì sao người con gái (10) lại bị bệnh.</b>	<b>0,25</b>	
		- Vì có sự hoán vị gene giữa hai vùng tương đồng của 2 NST giới tính.	0,125	
		- Trong giảm phân, cơ thể của người (5) có xảy ra hoán vị gene nên tạo ra giao tử XA, kết hợp với giao tử Xa của (6) tạo hợp tử XAXa phát triển thành người (5).	0,125	
	<b>4</b>	<b>Cặp vợ chồng (3) – (4) muốn sinh tiếp một đứa con không mắc bệnh. Theo em, cặp vợ chồng có nên tiếp tục sinh hay không hoặc nên nhờ các phương pháp nhân tạo hay không?</b>	<b>0,25</b>	
Cặp vợ chồng không nên sinh con hoặc nếu sinh thì nên nhờ các phương pháp hỗ trợ sinh sản nhân tạo.		0,125		
(3) có KG XAXa, (4) có KG XaYA nên xác suất sinh ra một đứa con bình thường thấp.		0,125		
<b>Câu II.</b> (1,5 điểm)	<b>1</b>	<b>Vì sao những bệnh lệch bội ở NST giới tính thường có tác động ít hơn so với trên NST thường? Dựa vào đó, trình bày cơ chế giải thích hiện tượng giúp người bị bệnh siêu nữ XXX vẫn có cuộc sống gần như bình thường như bao người khác.</b>	<b>0,625</b>	
		Những bệnh lệch bội ở NST giới tính thường có tác động ít hơn so với ở NST thường do: Nhiễm sắc thể Y rất nhỏ, chứa ít gen liên quan trực tiếp đến sức sống $\Rightarrow$ dư thừa nhiễm sắc thể Y ít làm mất cân bằng hệ gen, hạn chế tử vong hơn bệnh lệch bội ở nhiễm sắc thể khác.	0,125	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		Ở các loài thú bao gồm con người, các cá thể cái (XX) mang số gen liên kết nhiễm sắc thể X nhiều gấp đôi các cá thể đực (XY). Để cân bằng hệ gen, các tế bào phôi sớm có cơ chế bất hoạt nhiễm sắc thể X (bù trừ lượng gen), trong đó, một trong hai nhiễm sắc thể X ngẫu nhiên bị bất hoạt, các gene trên nhiễm sắc thể X thường chỉ có một allele hoạt động.	0,25
		Trong các tế bào dư thừa hơn nửa số lượng nhiễm sắc thể X, như ở người bệnh siêu nữ XXX, chỉ một nhiễm sắc thể X được hoạt động hoàn toàn và hai nhiễm sắc thể X còn lại bị bất hoạt đa số gen. (Do sự bất hoạt là không hoàn toàn và dù sao các tế bào vẫn có áp lực sao chép lượng vật chất di truyền lớn hơn nên) Người bệnh vẫn thể hiện các triệu chứng bất thường nhưng không nghiêm trọng như các đột biến số lượng trên nhiễm sắc thể thường, và vẫn có cuộc sống gần như bình thường.	0,25
	2	<b>Khi học hết chương nhiễm sắc thể, bạn Lan đã đưa ra một nhận định rằng: “Về mặt sinh học, nữ giới là thể khảm”. Nhận xét trên đúng hay sai? Vì sao?</b>	<b>0,375</b>
		Nhận định của bạn Lan là đúng.	0,125
		Thể khảm là cơ thể có ít nhất có hai dòng tế bào biểu hiện kiểu hình khác nhau.	0,125
		Do bất hoạt ngẫu nhiên nhiễm sắc thể trong giai đoạn phôi sớm, cơ thể người nữ có ít nhất hai dòng tế bào khác nhau ở chiếc nhiễm sắc thể X được biểu hiện tồn tại.	0,125
	3	<b>a</b> <b>Nêu điểm khác biệt giữa nhiễm sắc thể giới tính X và Y ở người.</b>	<b>0,25</b>
		<i>Mỗi ý đúng được 0,125đ. Thí sinh được tối đa 0,25đ.</i>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- NST X lớn hơn NST Y (hoặc NST Y nhỏ hơn NST X).</li> <li>- NST X chứa nhiều gen hơn (hoặc NST Y chứa ít gen hơn).</li> <li>- NST X hiện diện thành cặp (2 chiếc) ở người nữ và chỉ 1 chiếc ở người nam bình thường. NST Y thường chỉ xuất hiện với số lượng là 1 chiếc mỗi tế bào ở người nam.</li> <li>- NST X mang gen quy định giới tính nữ. NST Y mang gen quy định giới tính nam.</li> </ul>	0,25
		<b>b</b> <b>Đưa ra 2 nguyên nhân giúp nhiễm sắc thể Y không bị thoái hóa.</b>	<b>0,25</b>
		<i>Mỗi ý đúng được 0,125đ. Thí sinh được tối đa 0,25đ.</i>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các gen còn lại trên NST Y có những vai trò quan trọng ngoài xác định giới tính giúp tế bào thực hiện chức năng. Do đó, các đột biến phát sinh thêm ở NST Y vào các gen này gây chết và không được lan rộng trong quần thể.</li> <li>- Tiến hoá chưa tạo ra một hoặc nhiều gen giúp xác định giới tính hoàn chỉnh ngoài gen SRY trên NST Y. Do đó, các thể đột biến ở SRY đều bị giảm độ hữu thụ và không được lan rộng trong quần thể.</li> </ul>	0,25
<b>Câu III.</b> <i>(1,5 điểm)</i>	1	<b>Dự đoán mối quan hệ giữa rắn cây màu nâu với chim, thằn lằn ở đảo Guam; chim sáo đá Châu Âu với chim họa mi Bắc Mỹ.</b>	<b>0,25</b>
		→ Quan hệ cạnh tranh loại trừ Loài rắn cây màu nâu du nhập tới đảo Guam đã làm 12 loài chim và 6 loài thằn lằn bị tuyệt chủng.	0,125
		→ Quan hệ cạnh tranh loại trừ Chim sáo đá Châu Âu được đưa đến vùng trung tâm ở Mỹ đã phát triển nhanh chóng và thay thế (làm thu hẹp phân bố) nhiều loài chim họa mi bản địa.	0,125

Câu	Ý	Nội dung	Điểm		
	2	a	<b>Số lượng cá thể trong quần thể trên có thể bị thay đổi do những yếu tố nào?</b>	<b>0,5</b>	
			<i>Thí sinh kể được từ 2 yếu tố đúng trong mỗi ý được 0,25đ cho mỗi ý.</i>		
			Các yếu tố vô sinh: nhiệt độ, chế độ chiếu sáng, lượng mưa, hàm lượng muối dinh dưỡng trong đất,...	0,25	
				Các yếu tố hữu sinh: kích thước quần thể cáo, kích thước quần thể cỏ, kích thước quần thể báo, kích thước quần thể vật ký sinh thú, kích thước quần thể vật gây bệnh cho thú, tác động của con người,...	0,25
	b	<b>Trong đó, (các) yếu tố hữu sinh nào ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp qua trung gian khác lên quần thể thỏ? Giải thích.</b>	<b>0,25</b>		
		<i>Thí sinh có thể trả lời cách khác miễn đủ ý như đáp án thì được 0,125đ.</i>			
		- Các yếu tố kể trên đều làm thay đổi kích thước quần thể thỏ một cách trực tiếp trừ kích thước quần thể ảnh hưởng quần thể thỏ gián tiếp qua việc làm thay đổi kích thước quần thể cáo trước.	0,125		
		- Số lượng báo tăng, quần thể cáo là nguồn dinh dưỡng (con mồi) bị khai thác mạnh hơn nên giảm kích thước, thỏ ít bị săn nên tăng số lượng và ngược lại.			
		<i>Thí sinh chỉ cần giải thích được 1 trong các yếu tố đã ghi, nếu hợp lý được 0,125đ.</i>			
	- Khi cỏ giảm, thỏ ít có thức ăn nên giảm tăng trưởng và sinh sản, sức sinh chậm lại nên số lượng thỏ giảm và ngược lại.	0,125			
- Khi cáo giảm, thỏ ít bị bắt làm thức ăn hơn nên số lượng thỏ tăng và ngược lại.					
			- Khi vật ký sinh và gây bệnh cho thỏ tăng, số thỏ chết tăng nên số lượng thỏ giảm và ngược lại.		
c	<b>Dự đoán xu hướng thay đổi kích thước quần thể thỏ. Thiết kế thí nghiệm chứng minh vai trò của cáo đối với chỉ số này và kết luận với từng trường hợp kết quả thí nghiệm có thể có.</b>	<b>0,5</b>			
	Dự đoán: số lượng voi ở bìa rừng giảm → số lượng cáo ở bìa rừng tăng → tăng khai thác quần thể thỏ → số lượng thỏ ở bãi cỏ giảm.	0,125			
	Thiết kế thí nghiệm: quây một vùng ở bãi cỏ bằng hàng rào bảo vệ khỏi sói	0,125			
	- Lô 1: thỏ trong vùng được bảo vệ - Lô 2: thỏ ngoài vùng được bảo vệ				
	<i>Thí sinh giải thích được 2 trường hợp được 0,125đ. Thí sinh giải thích được đủ cả 3 trường hợp được trọn 0,25đ.</i>				
Phương pháp: đếm số thỏ ở 2 khu vực qua một khoảng thời gian.	0,25				
Các trường hợp có thể xảy ra và kết luận tương ứng: - Số lượng thỏ ở lô 1 giảm nhanh hơn lô 2: thiết kế thí nghiệm không ổn, không thể kết luận. - Số lượng thỏ ở lô 2 giảm nhanh hơn lô 1: thỏ ở ngoài vùng được bảo vệ bị sói khai thác, giả thuyết được ủng hộ. - Biến động số lượng thỏ ở lô 1 và lô 2 là tương tự nhau: hoạt động khai thác thỏ của sói không đáng kể, giả thuyết bị bác bỏ.					

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
Câu IV. (1,0 điểm)	1	<b>Hộp TATA là gì? Nêu vai trò của hộp TATA trong điều hòa phiên mã.</b>	<b>0,375</b>	
		Hộp TATA là một trình tự DNA thiết yếu thuộc vùng khởi động (promoter).	0,125	
		Mỗi ý đúng được <b>0,125đ</b> . Thí sinh được tối đa <b>0,25đ</b> .		
		- Hộp TATA giúp nhận biết vị trí khởi đầu phiên mã. - Hộp TATA là vị trí bám của các yếu tố phiên mã hoặc histon có vai trò trong điều hòa quá trình khởi động phiên mã.	0,25	
	2	a	<b>Giải thích kết quả thu được từ vùng -250 đến -200.</b>	<b>0,375</b>
			Kết luận: Vùng này có thể chứa yếu tố tăng cường biểu hiện (enhancer) hoặc tác nhân ức chế yếu (weak repressor).	0,125
			Trong tế bào melanocyte, mức hoạt động của luciferase giảm so với construct gốc (-300 đến +50). Điều này cho thấy sự có mặt của một yếu tố điều hòa trong vùng bị xóa (-250 đến -200) đã giảm mức biểu hiện của gen agouti.	0,125
			Tuy nhiên, mức giảm không quá mạnh, dẫn tới suy luận rằng tác nhân trong vùng này có thể là một tác nhân ức chế yếu hoặc một yếu tố tăng cường biểu hiện đã bị cắt một phần và hoạt động kém hiệu quả.	0,125
		b	<b>Giải thích kết quả thu được từ vùng -200 đến -150.</b>	<b>0,25</b>
			Kết luận: Vùng này không chứa yếu tố điều hòa quan trọng.	0,125
Mức hoạt động của luciferase giữ nguyên so với construct gốc trong cả tế bào melanocyte và adipocyte. Điều này cho thấy vùng bị xóa (-200 đến -150) không ảnh hưởng đáng kể đến mức biểu hiện của gen agouti trong cả hai dòng tế bào.	0,125			
Câu V. (1,0 điểm)	<b>Xác định kiểu gen của các thỏ trên.</b>		<b>1,0</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phép lai 1: xám × chinchilla → thu được tỉ lệ 6:5      tương đương 1:1</li> <li>- Phép lai 2: xám × xám      → thu được tỉ lệ 8:3:4      tương đương 1:2:1</li> <li>- Phép lai 3: xám × bạch tạng → thu được tỉ lệ 9:8      tương đương 1:1</li> </ul> <p>⇒ Tính trạng tuân theo quy luật phân li độc lập.</p> <p>Theo quy ước, ta có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- KH xám nhạt có thể có các KG : cch/ch, cch/c</li> <li>- KH xám có thể có các KG : C/cch, CC, C/ch, Cc</li> <li>- KH chinchilla có thể có các KG : cch/cch</li> <li>- KH himalayan có thể có các KG : ch/ch, c/ch</li> <li>- KH bạch tạng có thể có các KG : cc</li> </ul>		0,25	
	<p>Xét phép lai 2 (xám × xám), ta có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì F1 có xuất hiện KH himalayan (<u>_</u>ch) nên P xám phải có KG C/ch.</li> <li>- Vì F1 có xuất hiện KH himalayan (<u>_</u>ch) nên P xám nhạt phải có KG cch/c hoặc cch/ch đều được.</li> </ul>		0,125	
	<p>TH1: P xám nhạt có KG cch/c.</p> <p>P:      C/ch × cch/c</p> <p>F1:      1 Cc : 1C/cch : 1 cch : 1 ch/ch</p> <p>            (2 xám : 1 himalayan : 1 xám nhạt) (nhận)</p> <p>TH2: P xám nhạt có KG cch/ch</p> <p>P:      C/ch × cch/ch</p>		0,125	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		F1: C/cch : C/ch : cch/cch : ch/ch (2 xám : 1 chinchilla : 1 himalayan) (loại) ⇒ KG của P(2) là C/ch × cch/c	
		Xét phép lai 3 (xám × bạch tạng), ta có: Vì F1 có xuất hiện KH himalayan, mà P có 1 bạch tạng, nên P xám phải mang alen ch → KG của P xám là C/ch Lại có KG của P bạch tạng là cc ⇒ KG của P(1) là C/ch × cc	0,125
		⇒ KG của F1: 50% Cc : 50% cch	0,125
		Xét phép lai 1 (xám × chinchilla), ta có: KG của P chinchilla là cch/cch	0,125
		Vì F1 có KH xám nhạt nên P xám phải mang alen ch hoặc c. → KG của P xám là C/ch hoặc Cc. → KG của P là cch/cch × C/ch hoặc cch/cch × Cc	0,125
<b>Câu VI.</b> (1,5 điểm)	<b>1</b>	<b>Mỗi phát biểu dưới đây là ĐÚNG hay SAI?</b>	<b>0,5</b>
		<b>a</b> SAI	0,125
		<b>b</b> ĐÚNG	0,125
		<b>c</b> ĐÚNG	0,125
		<b>d</b> SAI	0,125
	<b>2</b>	<b>Mỗi phát biểu dưới đây là ĐÚNG hay SAI?</b>	<b>0,5</b>
		<b>a</b> SAI	0,125
		<b>b</b> ĐÚNG	0,125
		<b>c</b> SAI	0,125
		<b>d</b> ĐÚNG	0,125
	<b>3</b>	<b>Trong Hình 4 dưới đây đang thể hiện quá trình gì? Hãy điền vào các ô (1), (2), (3) còn thiếu của Hình 4.</b>	<b>0,5</b>
		Là phương pháp nuôi tế bào đơn bội (hạt phấn hoặc noãn chưa thụ tinh) trong ống nghiệm tạo nên mô đơn bội, sau đó xử lí hoá chất consixin gây lưỡng bội hoá rồi cho mọc thành cây lưỡng bội hoàn chỉnh.	0,125
		(1): Nuôi cấy hạt phấn hoặc noãn trên môi trường nhân tạo để hình thành các dòng đơn bội.	0,125
		(2): Chọn lọc các dòng đơn bội có kiểu hình mong muốn.	0,125
(3): Lưỡng bội hóa các dòng đơn bội thành các dòng lưỡng bội, rồi nuôi cấy tạo thành cây hoàn chỉnh.		0,125	
<b>Câu VII</b> (1,0 điểm)	<b>1</b>	<b>Nêu 1 vai trò và đặc điểm phù hợp để thực hiện chức năng đó của huyết tương.</b>	<b>0,25</b>
		<i>Nêu đúng 1 ý trong các ý đúng dưới đây được 0,25đ.</i>	
		Các vai trò – đặc điểm của huyết tương: - Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch – 90% (hoặc phần chủ yếu) huyết tương là nước.	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		- Vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết và các chất thải – 10% còn lại của huyết tương là protein, lipid, glucid, vitamin (các chất dinh dưỡng); hormone, kháng thể,... (các chất cần thiết); urea, uric acid,... (các chất thải của tế bào).	
	2	<b>Có thể dự đoán ma sát máu – thành mạch của anh khi cơ thể bị mất nước như thế này tăng hay giảm so với trước khi thi đấu hay không? Giải thích.</b>	<b>0,25</b>
		Khi cơ thể bị mất nước, ma sát máu – thành mạch tăng.	0,125
		Do giảm thể tích nước làm tăng nồng độ chất tan và mật độ tế bào trong máu (hoặc tăng độ quánh của máu), máu không dễ dàng lưu thông trong mạch nữa do ma sát với thành mạch tăng lên.	0,125
	3	<b>Thể tích máu được tổng đi trong mỗi chu kỳ tim khi chạy marathon của anh vận động viên này so với người bình thường (không phải vận động viên) là nhiều hay ít hơn? Đưa ra ít nhất 1 thay đổi sinh lý có thể có ở vận động viên để giải thích.</b>	<b>0,25</b>
		Thể tích máu được tổng đi của anh vận động viên là nhiều hơn so với người bình thường.	0,125
		<i>Giải thích và đưa ra ít nhất 1 lí do đúng được 0,125đ. Thí sinh có thể nêu lí do khác so với đáp án, miễn đúng.</i>	
		Vì các hình thức luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, vừa sức đều có ý nghĩa rèn luyện, làm tăng khả năng hoạt động của tim và hệ mạch. Qua quá trình rèn luyện ở cường độ cao, nhu cầu máu cung cấp cho các cơ bắp tăng lên, cơ thể người vận động viên có một số thay đổi sinh lý đáp ứng: - Buồng tim giãn ra làm tăng khả năng tổng máu của tim (hoặc tăng hiệu suất nhát bóp, hoặc tăng thể tích tâm thu). - Thành tim dày lên (cơ tim bóp mạnh hơn) làm tăng khả năng tổng máu của tim (hoặc tăng hiệu suất nhát bóp, hoặc tăng thể tích tâm thu). - Động mạch lớn đàn hồi làm tăng khả năng tổng máu của động mạch.	0,125
	4	<b>Nhịp tim lúc nghỉ ngơi của anh vận động viên là cao hay thấp hơn so với người bình thường? Giải thích.</b>	<b>0,25</b>
		Nhịp tim lúc nghỉ của vận động viên thấp hơn so với người bình thường.	0,125
		Do hoạt động tim mạch của vận động viên hiệu quả hơn nên khi nghỉ ngơi, tim không cần đập nhanh (như người bình thường) để đáp ứng nhu cầu trao đổi chất mức nền nữa.	0,125
<b>Câu VIII</b> (0,5 điểm)	1	<b>Nêu 2 cơ chế bảo vệ cơ thể của bạch cầu.</b>	<b>0,25</b>
		<i>Mỗi ý đúng được 0,125đ. Kể được 2 cơ chế đúng được 0,25đ.</i>	
		Các cơ chế bảo vệ cơ thể của bạch cầu: - Thực bào - Tạo kháng thể vô hiệu hóa kháng nguyên - Phá hủy các tế bào đã bị nhiễm bệnh	0,25
	2	<b>Các trường hợp sau đây có sự hoạt động của tế bào lympho B hay tế bào T độc là chủ yếu: bị ong chích, bị đứt tay, mắc cảm cúm, mắc ung thư?</b>	<b>0,25</b>
		<i>Trả lời đúng 1 ý thì không chấm điểm. Trả lời đúng từ 2 đến 3 ý được 0,125đ. Trả lời đúng cả 4 ý được 0,25đ.</i>	
		- Ong chích: lympho B	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đút tay: lympho B</li> <li>- Cảm cúm: T độc</li> <li>- Ung thư: T độc</li> </ul>		
<b>Câu IX</b> (1,0 điểm)	<b>1</b>	<b>Các nhận định sau đây là ĐÚNG hay SAI? Nếu sai hãy giải thích.</b>	<b>0,375</b>	
		<b>a</b>	SAI Đối với động vật biến nhiệt, thân nhiệt động vật thay đổi theo nhiệt độ tăng cao hoặc giảm thấp của môi trường, ảnh hưởng đến quá trình điều hoà tương tác với môi trường để thu nhiệt hữu hiệu cho tăng trưởng – phát triển của cơ thể.	0,125
		<b>b</b>	SAI Đối với động vật hằng nhiệt, khi nhiệt độ xuống thấp làm cho thân nhiệt thấp hơn nhiệt độ môi trường, làm cho cơ thể bị mất lượng nhiệt tương đối và để bù lại lượng nhiệt đã mất, cơ thể sẽ tăng cường quá trình chuyển hoá, hoạt động oxy hoá nhiều, dần làm cơ thể suy nhược và có thể dẫn đến chết.	0,125
	<b>c</b>	ĐÚNG	0,125	
	<b>2</b>	<b>Các nhận định sau đây là ĐÚNG hay SAI? Nếu sai hãy giải thích.</b>	<b>0,375</b>	
		<b>a</b>	ĐÚNG	0,125
		<b>b</b>	ĐÚNG	0,125
		<b>c</b>	SAI GH có tác động làm tăng cường hoạt động của cơ bắp → gây căng thẳng cho cơ bắp. (Đặc biệt là cơ tim gây tăng huyết áp.)	0,125
	<b>3</b>	<b>Điền vào chỗ chấm.</b>	<b>0,25</b>	
		<b>a</b>	Trong một chuỗi thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có 1 loài. Trong một <i>lưới thức ăn</i> , mỗi bậc dinh dưỡng có nhiều loài.	0,125
<b>b</b>		<i>Hiệu suất sinh thái</i> là tỷ lệ phần trăm chuyển hóa năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng.	0,125	
<b>Tổng điểm bài thi</b>			<b>10,00</b>	